TÒA ÁN NHÂN DÂN **KV 2**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/DS-ST
Ngày: 24 - 9 - 2025
V/v "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN KV 2 - LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Khắc Chương.

Bà Đặng Thị Hiệp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Mai Vũ Hoài Phương – Cán bộ Tòa án KV 2 - Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát KV 2 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Minh Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án KV 2 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 381/2024/TLST - DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về vụ việc: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2025/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà T, sinh năm: 1968. Địa chỉ: Số 69, đường L, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đ, sinh năm: 1965. Theo hợp đồng ủy quyền đề ngày 31/7/2025. Địa chỉ: Số 17/5, đường N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn:

2.1. Bà P, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Thôn 27, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Bà C, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Số 13, đường L, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nguyên đơn bà T do bà Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Lần 1: Ngày 24/01/2024 bà P mượn của bà T số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn). Khi mượn tiền bà P viết giấy mượn tiền, hẹn trong vòng 06 ngày (tức là ngày 30/01/2024) trả cho bà T. Hai bên không thoả thuận lãi.

Lần 2: Ngày 20/3/2024 bà P mượn tiếp của bà T số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn), khi mượn tiền bà P viết giấy mượn tiền,

hẹn trong vòng 05 ngày (tức là ngày 25/3/2024) trả cho bà T. Hai bên không thoả thuận lãi.

Lần 3: Ngày 05/9/2024 bà P lại mượn tiếp của bà T số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn), khi mượn tiền bà P cũng viết giấy mượn tiền, hẹn mỗi tháng trả cho bà T số tiền 30.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ này. Hai bên không thoả thuận lãi.

- Đối với số tiền 500.000.000 đồng ngày 20/3/2024 bên phía bị đơn bà P đã chứng minh được nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Đối với số tiền 600.000.000 đồng ngày 24/01/2024 bên phía bị đơn bà Phương đã chứng minh được nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Bà T yêu cầu bà P trả cho bà T số tiền 180.000.000 đồng tiền vay theo giấy nợ ngày 05/9/2024.

Ngày 16/10/2023 bà C mượn của bà T số tiền 1.500.000.000đồng, bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của bà T vào ngày mượn như trên. Giấy mượn tiền với bà T do bà C viết 01 bản giao cho bà T lưu giữ bản chính, không thế chấp tài sản gì trong giao dịch vay mượn tiền với nhau. Mục đích bà C mượn tiền của bà T để đáo hạn ngân hàng. Bà C chưa trả cho bà T đồng nào, mặc dù bà T đã đòi nhiều lần. Riêng bà C chuyển khoản trả nợ được cho bà T số tiền 391.800.000 đồng từ 23/10/2023 đến 26/10/2023 theo sao kê. Nay bà T yêu cầu bà C trả cho bà T số tiền 1.108.200.000 đồng.

** Theo bị đơn bà P trình bày:*

- Đối với số tiền 500.000.000 đồng ngày 20/3/2024 bà đã trả cho bà T qua chuyển khoản.

- Đối với số tiền 600.000.000 đồng ngày 24/01/2024 bà đã trả cho bà T qua chuyển khoản.

- Bà T yêu cầu bà P trả cho bà T số 180.000.000 đồng, bà P không đồng ý. Bà P chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng. Trong giấy nợ ngày 05/9/2024 ghi số tiền 180.000.000 đồng thực tế ngày 05/9/2024 bà P hốt huê là 485.000.000 đồng nhưng còn 6 kỳ (01 phần 30.000.000 đồng, bà P chơi 01 phần do bà T cầm cái, dây huê này đã chơi xong, 16 phần) huê chết bà chưa đóng cho bà T, 01 kỳ là 30.000.000 đồng, nên bà viết cho bà T giấy nợ đề ngày 05/9/2024 là mượn bà T 180.000.000 đồng. Số tiền 485.000.000 đồng thì bà cấn qua trả nợ vào số tiền 1.500.000.000 đồng mà bà C nợ bà T theo giấy nợ ngày 16/10/2023 mà bà C mượn bà T. Ngoài ra, bà còn chơi 01 dây huê nữa do bà T cầm cái khoảng 14 – 15 phần. Áp cái bà đóng 30.000.000 đồng, sau đó bà đóng được 4 kỳ mỗi kỳ 25.000.000 đồng là 100.000.000 đồng tổng là 130.000.000 đồng.

Ngày 16/10/2023 bà C mượn của bà T số tiền là 1.500.000.000đồng, bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của bà T vào tài khoản bà C. Nay bà T yêu cầu bà C trả cho bà T số tiền 1.108.200.000 đồng.

- Với yêu cầu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu bà C trả nợ là không đúng vì tuy giấy mượn tiền bà C viết và bà T chuyển khoản tiền cho bà C nhưng

sau đó bà T và bà P và C đã thống nhất bà P có nghĩa vụ trả cho bà T toàn bộ số nợ, ba bên chỉ thỏa thuận miệng. Riêng bà C chuyển khoản trả nợ được cho bà T 391.800.000 đồng từ 23/10/2023 đến 26/10/2023 theo sao kê. Ngoài ra, bà P trả thay cho bà C 400.000.000 đồng ngày 05/9/2024 và bà P đã chuyển cho bà T qua ngân hàng E cho bà T 01 tháng 90.000.000 đồng lãi, bà P trả lãi dùm cho bà C trên số nợ gốc 1.500.000.000 đồng từ ngày 16/10/2023 cho đến tháng 9/2024, với số tiền lãi 940.000.000 đồng lãi.

Với yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà C thì bà P đồng ý trả cho bà T số tiền 700.000.000 đồng.

** Theo bị đơn bà C trình bày:*

- Với yêu cầu cầu khởi kiện của bà T thì bà C không đồng ý vì tuy giấy mượn tiền bà C viết và bà T chuyển khoản tiền cho bà C số tiền 1.500.000.000 đồng vào tài khoản của bà C nhưng sau đó bà T và bà P và C đã thống nhất bà P có nghĩa vụ trả cho bà T toàn bộ số nợ. Riêng bà C chuyển khoản trả nợ được cho bà T 391.800.000 đồng từ 23/10/2023 đến 26/10/2023 theo sao kê. Ngoài ra, bà P trả thay cho bà C 400.000.000 đồng ngày 05/9/2024 và bà P đã chuyển cho bà T qua ngân hàng E cho bà T 01 tháng 90.000.000 đồng lãi, bà P trả lãi dùm cho bà C trên số nợ gốc 1.500.000.000 đồng từ ngày 16/10/2023 cho đến tháng 9/2024, với số tiền lãi 940.000.000 đồng lãi.

** Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.*

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn bà T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà P theo 03 giấy mượn tiền đề ngày 24/01/2024 đối với số tiền 600.000.000 đồng, giấy mượn tiền đề ngày 20/3/2024 đối với số tiền 500.000.000 đồng, giấy mượn tiền đề ngày 05/9/2024 đối với số tiền 180.000.000 đồng. Bị đơn bà P với bà C đồng ý.

Tại tòa đại diện nguyên đơn bà T yêu cầu bà C trả cho bà T số tiền 1.108.200.000 đồng gốc. Bà C chỉ đồng ý trả cho bà T 700.000.000 đồng gốc vì bà C đã chuyển khoản nợ cho bà P trả cho bà T, bà P chuyển khoản cho bà T tiền lãi từ ngày 07/11/2023 đến ngày 20/6/2024. Còn bà T cấn khoản nợ từ bà C qua bà P thì bà P đồng ý trả nợ thay cho bà C đối với bà T số tiền 900.000.000 đồng vì bà P chuyển khoản cho bà T tiền lãi từ ngày 07/11/2023 đến ngày 20/6/2024. Trường hợp bà C trả cho bà T số tiền 900.000.000 đồng thì bà T đồng ý, còn bà C chỉ trả cho bà T số tiền 700.000.000 đồng thì bà T không đồng ý. Còn bà P trả cho bà T số tiền 900.000.000 đồng thì bà T không đồng ý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát KV 2 - Lâm Đồng:

Đại diện Viện kiểm sát KV 2 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tạm ngừng phiên Tòa để làm rỏ khoản tiền sao kê bà P chuyển khoản cho bà T tiền từ ngày 07/11/2023 đến ngày 20/6/2024 có phải là tiền lãi mà bà P nhận nghĩa vụ trả cho bà T theo giấy mượn tiền ngày 16/10/2023 của bà C nợ bà T chuyển sang nghĩa vụ cho bà P hay không nên đại diện Viện kiểm sát không phát biểu về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" giữa nguyên đơn bà T và bị đơn bà P, bà C.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án KV 2 - Lâm Đồng.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn bà T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà P về việc bà T yêu cầu bà P trả cho bà T số tiền 1.280.000.000 đồng (theo 03 giấy mượn tiền đề ngày 24/01/2024 đối với số tiền 600.000.000 đồng, giấy mượn tiền đề ngày 20/3/2024 đối với số tiền 500.000.000 đồng, giấy mượn tiền đề ngày 05/9/2024 đối với số tiền 180.000.000 đồng).

Bị đơn bà P và bà C không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập đối với nguyên đơn. Đồng thời bị đơn bà P và bà C đồng ý với việc nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn bà T đối với bà P.

Do đó, căn cứ vào các Điều 217, Điều 218, 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa nguyên đơn bà T và bị đơn bà P.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T yêu cầu mình bà C trả cho bà T 1.108.200.000 đồng đồng gốc. Bà C chỉ đồng ý trả cho bà T 700.000.000 đồng gốc vì bà C đã chuyển khoản nợ cho bà P trả cho bà T, bà P chuyển khoản cho bà T tiền lãi từ ngày 07/11/2023 đến ngày 20/6/2024. Còn bà T cấn khoản nợ từ bà C qua bà P thì bà P đồng ý trả nợ thay cho bà C đối với bà T số tiền 900.000.000 đồng vì bà P chuyển khoản cho bà T tiền lãi từ ngày 07/11/2023 đến ngày 20/6/2024, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giữa bà T và bà P có quan hệ quen biết. Thông qua bà P thì bà C cũng quen biết bà T nên có việc vay mượn và chơi hụi (huê). Bà C là chị chồng bà P.

[3.1] Ngày 16/10/2023, bà C viết giấy mượn tiền bà T số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 16/10/2023 đến ngày 26/10/2023, bà T giao tiền cho bà C bằng phương thức chuyển khoản tiền từ tài khoản của

bà T sang tài khoản của bà C số tiền 1.500.000.000 đồng. Bà C cũng thừa nhận số tiền 1.500.000.000 đồng bà C mượn của bà T, bà T đã chuyển khoản cho bà C số tiền 1.500.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của bà C. Đây là tiết các đương sự là bà T và bà C cùng bà P đều thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ ngày 23/10/2023 đến 26/10/2023, bà C chuyển khoản cho bà T số tiền 391.800.000 đồng. Bà C còn nợ lại bà T số tiền 1.108.200.000 đồng. Bà T thừa nhận bà C chuyển khoản cho bà T số tiền 391.800.000 đồng. Bà C còn nợ lại bà T số tiền 1.108.200.000 đồng gốc. Đây là tiết các đương sự là bà T và bà C đều thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà C và bà P cho rằng giữa bà T và bà P cùng bà C thỏa thuận miệng số tiền bà C mượn bà T ngày 16/10/2023, thì từ ngày 26/10/2023 trở đi bà P có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền gốc và lãi hàng tháng là 2.000 đồng lãi/1.000.000 đồng/1 ngày tức lãi suất 6%/tháng nhưng bà P và bà C không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc chuyển giao nghĩa vụ này. Trong khi, bà T không thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng thì bà C có chuyển khoản tiền vài lần cho bà T. Sau đó bà C nhờ bà P chuyển khoản tiền cho bà T; Cụ thể số tiền:

Ngày 07/11/2023 bà P chuyển khoản cho bà T số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 07/11/2023 số tiền 39.000.000 đồng. Ngày 20/11/2023 số tiền 39.000.000 đồng. Ngày 04/12/2023 số tiền 48.000.000 đồng. Ngày 02/01/2024 số tiền 48.000.000 đồng. Ngày 15/01/2024 số tiền 52.000.000 đồng. Ngày 29/01/2024 số tiền 45.000.000 đồng. Ngày 19/02/2024 số tiền 66.400.000 đồng. Ngày 04/3/2024 số tiền 45.000.000 đồng. Ngày 12/3/2024 số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 18/3/2024 số tiền 45.000.000 đồng. Ngày 25/3/2024 số tiền 6.000.000 đồng. Ngày 01/4/2024 số tiền 45.000.000 đồng. Ngày 22/4/2024 số tiền 60.000.000 đồng. Ngày 06/5/2024. Ngày 22/5/2024 số tiền 51.000.000 đồng. Ngày 31/5/2024 số tiền 14.000.000 đồng. Ngày 04/6/2024 số tiền 50.500.000 đồng. Ngày 05/6/2024 số tiền 45.500.000 đồng. Ngày 20/6/2024 số tiền 48.000.000 đồng.

Tổng cộng bà P chuyển khoản cho bà T số tiền 858.400.000 đồng.

Bà C lúc thì thừa nhận bà C nhờ tài khoản của bà P trả lãi cho bà T đối với khoản vay ngày 16/10/2023. Lúc thì cho rằng do bà T đã đồng ý khoản nợ của bà C để bà P trả cho bà T nên bà P chuyển trả lãi cho bà T từ ngày 07/11/2023 đến ngày 20/6/2024 là 858.400.000 đồng.

Bà P và bà C cùng đại diện theo ủy quyền của bà T đều thừa nhận đối với các dây hụi (huê) thì đã chấm dứt, không còn chơi dây hụi nào với nhau, các bên không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Riêng ngày 05/9/2024, bà P cho rằng có chơi huê với bà T. Tên chơi huê thì ghi tên bà C nhưng thực tế là bà P đóng tiền huê. Bà C cũng thừa nhận như bà P trình bày. Bà P cho rằng ngày 05/9/2024 bà P được hốt huê số tiền 450.000.000 đồng, đồng thời do bà P đã nhận nghĩa vụ trả nợ thay cho bà C nên bà P đồng ý để bà T trừ số tiền 450.000.000 đồng này vào khoản vay ngày 16/10/2023 của bà C nhưng bà P cũng như bà C không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Trong khi, bà T không thừa nhận ngày 05/9/2024 bà T nhận của bà P số tiền 450.000.000 đồng nên không có cơ sở để xem xét lời khai của bà P cũng như bà C.

[3.3] Đối với sao kê bà P chuyển khoản cho bà T từ ngày 07/11/2023 đến ngày 20/6/2024 số tiền 858.400.000 đồng, thì thấy rằng:

Ngày 09/10/2023, bà T khởi kiện yêu cầu bà P trả cho bà T số tiền 1.280.000.000 đồng. Đối với số tiền 500.000.000 đồng ngày 20/3/2024 bà P đã trả cho bà T qua chuyển khoản. Đối với số tiền 600.000.000 đồng ngày 24/01/2024 bà P đã trả cho bà T qua chuyển khoản. Bà T yêu cầu bà P trả cho bà T số 180.000.000 đồng. Nhưng do bà P chứng minh đã trả được cho bà T số tiền 500.000.000 đồng ngày 25/3/2024 bà đã trả cho bà T qua chuyển khoản. Đối với số tiền 600.000.000 đồng ngày 29/01/2024 bà đã trả cho bà T qua chuyển khoản. Do đó, bà T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà P.

Đồng thời bà T không chứng minh được bà P nợ bà T khoản tiền nào khác. Trong khi, bà P chuyển khoản cho bà T từ ngày 07/11/2023 đến ngày 20/6/2024 là số tiền 858.400.000 đồng. Bà P, bà C đều cho rằng bà P trả lãi cho bà T tiền lãi ngày 07/11/2023 đến ngày 20/6/2024 là 858.400.000 đồng là có cơ sở. Do đó, có đủ căn cứ khẳng định từ ngày 07/11/2023 đến ngày 20/6/2024 là bà P trả lãi dùm cho bà C cho bà T số tiền 858.400.000 đồng.

Do lãi suất vượt quá theo quy định của pháp luật nên cần đều chỉnh lại lãi suất cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo quy định khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì:

Số tiền 1.108.200.000 đồng từ ngày 26/10/2023 đến ngày 24/9/2025 là 23 tháng được tính là 1.108.200.000 đồng x 30%/12 tháng x 23 tháng = 637.215.000 đồng. Trong khi bà T đã nhận 858.400.000 đồng nên cần điều chỉnh lại và cấn trừ vào số tiền 1.108.200.000 đồng gốc. Số tiền 858.400.000 đồng – 637.215.000 đồng = 221.185.000 đồng. Do đó, cần buộc bà C trả cho bà T số tiền 887.015.000 đồng (1.108.200.000 đồng – 221.185.000 đồng) là phù hợp.

Từ phân tích và nhận định trên, cần buộc bị đơn bà C có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 887.015.000 đồng gốc. Không chấp nhận đối với số tiền 221.185.000 đồng mà bà T yêu cầu bà C trả cho bà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Buộc bị đơn bà C phải chịu 38.610.450 đồng [36.000.000 đồng + (87.015.000 đồng x 3%)] án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T nên buộc nguyên đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.059.250 đồng (221.185.000 đồng x 5%) trên số tiền không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, 219, các Điều 147, 220, 227, 228, 235, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung 2025).

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T về vụ việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" đối với bị đơn bà P.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T về vụ việc: "Bà T yêu cầu bà P trả cho bà T số tiền 1.280.000.000 đồng (theo 03 giấy mượn tiền đề ngày 24/01/2024 đối với số tiền 600.000.000 đồng, giấy mượn tiền đề ngày 20/3/2024 đối với số tiền 500.000.000 đồng, giấy mượn tiền đề ngày 05/9/2024 đối với số tiền 180.000.000 đồng)".

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T về vụ việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" đối với bị đơn bà C.

2.1. Buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 887.015.000 đồng gốc.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Không chấp nhận đối với số tiền 221.185.000 đồng mà bà T yêu cầu bà C trả cho bà T.

3. Về án phí: Buộc bà C phải chịu 38.610.450 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà T phải chịu 11.059.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 28.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án bà T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000091 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, hoàn trả cho bà T số tiền 17.440.750 đồng án phí còn thừa theo theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000091 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nay là Phòng KV 2 - Lâm Đồng.

Hoàn trả cho bà T số tiền 25.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000092 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nay là Phòng KV 2 - Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS KV 2 - Lâm Đồng;
- Phòng KV 2- Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vũ